

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 12 năm 2017

Số: 153/BC - KKT

BÁO CÁO
Công khai tài chính năm 2017

Căn cứ Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý Nhà nước;

Căn cứ Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài Chính - Bộ Nội Vụ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban;

Căn cứ số liệu báo cáo năm 2017;

Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa báo cáo công khai tình hình sử dụng kinh phí hoạt động của cơ quan đến toàn thể cán bộ công chức Ban như sau:

A. NGUỒN KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG:

STT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2017	Số thực hiện đến 30/12/2017	Ước thực hiện đến 31/01/2018	K/phí chuyển sang năm 2018
I	NGUỒN KP TỰ CHỦ NĂM 2017	4.540.564.248	3.412.525.467	3.873.795.887	666.768.361
1	Kinh phí năm 2016 chuyển qua	470.473.248	-	-	470.473.248
	- Kinh phí khoán Chi hành chính (N13)	118.186.070	-	-	118.186.070
	- KP tạo nguồn cải cách tiền lương (N14)	352.287.178			352.287.178

STT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2017	Số thực hiện đến 30/12/2017	Ước thực hiện đến 31/01/2018	K/phí chuyển sang năm 2018
2	Nguồn kinh phí Chi hoạt động thường xuyên năm 2017 (cấp đầu năm 4.138.000.000đ + 89.602.822 điều chỉnh tăng - 157.511.822đ điều chỉnh giảm = 4.070.091.000đ)	4.070.091.000	3.412.525.467	3.873.795.887	196.295.113
	+ Tiền lương		1.552.930.166		
	+ Tiền công		37.700.000		
	+ Phụ cấp (chức vụ, công vụ, cấp ủy,...)		557.157.019		
	+ Tiền thưởng		53.935.000		
	+ Chi phúc lợi tập thể		65.715.498		
	+ Các khoản đóng góp BHXH, YT và TN		542.758.325		
	+ Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước, xăng xe, phí vệ sinh môi trường...)		121.035.658		
	+ Vật tư văn phòng		84.826.002		
	+ Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		63.743.368		
	+ Hội nghị		5.720.000		
	+ Công tác phí		71.531.000		
	+ Chi thuê mướn (đào tạo CB, thuê mướn khác, ...)		11.292.000		
	+ Chi sửa chữa (ô tô, điều hòa nhiệt độ, thiết bị tin học, hệ thống nước)		29.922.000		
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành (trang phục dqtv, tài liệu dùng cho công tác chuyên môn)		545.000		
	+ Chi khác (tiếp khách, hỗ trợ, bảo hiểm xe ô tô, phí lệ phí...)		77.974.431		

STT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2017	Số thực hiện đến 30/12/2017	Ước thực hiện đến 31/01/2018	K/phí chuyển sang năm 2018
	+ Chi hỗ trợ giải quyết việc làm				
	+ Chi tăng thu nhập		126.500.000		
	+ Chi mua sắm tài sản		9.240.000		
II	NGUỒN KP KHÔNG TỰ CHỦ 2017	566.000.000	303.736.750	515.111.000	50.889.000
I	Chi xúc tiến đầu tư (cấp đầu năm: 180.000.000đ - 12.000.000đ điều chỉnh giảm = 168.000.000đ)	168.000.000	100.115.750	168.000.000	-
	+ Phụ cấp lương (làm thêm giờ)		7.324.000		
	+ Thanh toán dịch vụ công cộng (xăng xe)		7.899.120		
	+ Vật tư văn phòng		750.000		
	+ Thông tin tuyên truyền, liên lạc (cước phí bưu chính, đăng thông tin quảng cáo)		25.100.000		
	+ Công tác phí		7.122.000		
	+ Nghiệp vụ chuyên môn (in ấn brochure, photo tài liệu)		1.860.000		
	+ Chi khác (tiếp khách, phí lệ phí và các khoản chi khác ...)		50.060.630		
2	Chi hỗ trợ tết Nguyên đán	57.000.000	45.500.000	45.500.000	11.500.000
3	Kinh phí thi đua khen thưởng các DN thuộc KCN và cụm CN	76.200.000	15.961.000	50.961.000	25.239.000
4	Kinh phí nhuận bút, thù lao đăng thông tin điện tư Ban	15.000.000	855.000	15.000.000	-
5	Kinh phí thuê đặt máy chủ	21.000.000	20.196.000	20.196.000	804.000
6	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ luận án thạc sĩ (cấp bổ sung trong năm)	70.000.000	35.000.000	70.000.000	-
7	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản (cấp bổ sung trong năm)	80.000.000	48.826.000	80.000.000	-

STT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2017	Số thực hiện đến 30/12/2017	Ước thực hiện đến 31/01/2018	K/phí chuyển sang năm 2018
8	Chi sự nghiệp môi trường (cấp bổ sung trong năm)	50.000.000	629.000	36.654.000	13.346.000
	+ Vật tư văn phòng		629.000		
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn (Photo tài liệu, Thanh toán hợp đồng thực hiện nghiệp vụ chuyên môn)				
9	Chi thuê hợp đồng bảo vệ mặt đất, mặt nước dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1 (bổ sung trong năm)	28.800.000	-	28.800.000	-
III	Chi sự nghiệp	1.799.000.000	1.401.857.720	1.660.634.860	138.365.140
1	Kinh phí xây dựng mô hình đặc khu hành chính - kinh tế (cấp đầu năm 900.000.000đ - 89.000.000đ điều chỉnh giảm = 811.000.000đ)	811.000.000	424.811.720	672.784.860	138.215.140
	+ Phụ cấp lương (làm thêm giờ)		12.880.000		
	+ Thanh toán dịch vụ công cộng (xăng xe)		17.971.620		
	+ Vật tư văn phòng		4.200.000		
	+ Thông tin tuyên truyền, liên lạc (cước phí bưu chính, đăng thông tin quảng cáo)		-		
	+ Công tác phí		167.045.000		
	+ Chi phí thuê mướn		250.000		
	+ Nghiệp vụ chuyên môn (in ấn brochure, photo tài liệu, Hợp đồng tư vấn xây dựng Đặc khu)		140.489.000		
	+ Chi khác (tiếp khách và các khoản chi khác ...)		81.976.100		

STT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2017	Số thực hiện đến 30/12/2017	Ước thực hiện đến 31/01/2018	K/phí chuyển sang năm 2018
2	Kế hoạch vốn duy tu bảo dưỡng các tuyến đường và duy trì cây xanh (cấp đầu năm 990.000.000đ - 64.000.000đ điều chỉnh giảm + 31.000.000đ điều chỉnh tăng = 957.000.000đ)	957.000.000	956.850.000	956.850.000	150.000
3	Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng phi lao chống cát trôi	31.000.000	-	31.000.000	-
III	- NGUỒN THU PHÍ, LỆ PHÍ (số dư năm 2016 chuyển qua 10.941.200đ + số thu năm được để lại trong năm 2017: 168.982.825đ = 179.924.025đ).	179.924.025	89.563.998	89.563.997	90.360.028
	+ Tiền lương		-		
	+ Phụ cấp lương		-		
	+ Thanh toán dịch vụ công cộng		2.573.000		
	+ Tiền nước uống		-		
	+ Vật tư văn phòng		1.954.000		
	+ Công cụ, dụng cụ		-		
	+ Thông tin tuyên truyền, liên lạc		4.578.800		
	+ Công tác phí (thanh toán tiền tàu xe cho chuyên gia thẩm định DA)		-		
	+ Chi mua tài liệu chỉ dùng cho chuyên môn của từng ngành		-		
	+ Chi khác (tiếp khách, phí lệ phí)		24.937.997		
	+ Chi khác (Chi hợp thẩm định ĐTM, đề án BVMT chi tiết)		55.520.000		

Số: 12/2018/ĐKT

Trong năm 2017 mặc dù tình hình kinh tế còn khó khăn, ngân sách nhà nước còn hạn chế, các khoản kinh phí cấp theo định mức đều bị cắt giảm. Tuy nhiên, tập thể Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong đã cố gắng thực hiện các khoản chi hết sức tiết kiệm, đúng chế độ, định mức quy định. Thực hiện nghiêm túc việc công khai chi tiết số liệu dự toán và quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho toàn thể CB – CC trong cơ quan được biết. Công tác lập, phân bổ dự toán kinh phí ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục, đảm bảo đúng theo các định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Qua đó, tính đến thời điểm 30/12/2017 Ban đã tiết kiệm chi thường xuyên 192 triệu đồng từ nguồn kinh phí khoản chi hành chính.

B. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Năm 2017, Kế hoạch vốn đầu tư XDCB được bố trí: 143.300.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Vốn Trung ương: 106.000.000.000 đồng.

+ Vốn Địa phương: 37.300.000.000 đồng.

* Đã giải ngân tính đến 30/12/2017:

+ Vốn Trung ương: 86.746.211.000 đồng đạt 82% kế hoạch.

+ Vốn Địa phương: 29.414.743.000 đồng đạt 79% kế hoạch.

* Ước thực hiện đến 31/01/2018:

+ Vốn Trung ương: đạt 100% kế hoạch.

+ Vốn Địa phương: đạt 95% kế hoạch.

(Chi tiết theo bảng sau)

DVT: Ngàn Đồng

Stt	Tên dự án	KH vốn năm 2017	Đã giải ngân đến 30/11/2017	Ước thực hiện đến 31/01/2018	Kế hoạch vốn còn lại
1	2	3	4	5	6 = 3-5
I	VỐN TRUNG ƯƠNG	106.000.000	86.746.000	106.000.000	0
1	Đường GT từ Quốc Lộ 1A đến Đầm Môn	65.000.000	61.146.000	65.000.000	0
2	Cải tuyến Tỉnh lộ 1B - đoạn từ Huyndai Vinashin đến Ninh Tĩnh	11.000.000	11.000.000	11.000.000	0
3	Đường vào kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong	30.000.000	14.600.000	30.000.000	0
II	VỐN ĐỊA PHƯƠNG	37.300.000	29.414.743	35.300.000	2.000.000

1	Cải tuyến Tỉnh lộ 1B - đoạn từ Huyndai Vinashin đến Ninh Tịnh	18.000.000	18.000.000	18.000.000	0
2	Đường vào kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong	5.000.000	0	5.000.000	0
3	Đường GT từ QL 1A đến khu TĐC Xóm Quán	4.300.000	4.300.000	4.300.000	0
4	CSHT KCN vừa và nhỏ Đắc Lộc	4.000.000	1.897.980	2.000.000	2.000.000
5	CSHT khu TĐC Xóm Quán	6.000.000	5.216.763	6.000.000	0

- Vốn XDCB nguồn Địa phương giải ngân còn do những nguyên nhân sau:

+ Dự án: CSHT KCN vừa và nhỏ Đắc Lộc công tác giải phóng mặt bằng còn chậm, tình trạng khiếu nại, tranh chấp kéo dài.

+ Vương thỏa thuận đấu nối nút giao với QL 1A nên không thể triển khai đúng tiến độ.

Trên đây là báo cáo công khai tài chính năm 2017 gửi đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức, nhân viên thuộc Ban để biết và giám sát việc sử dụng. /.

Nơi nhận:

- Trưởng Ban;
- Lưu: VT, KHTH.



TRƯỞNG BAN

Hoàng Đình Phi